



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

# Giới thiệu Các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia



# Quan điểm

*Lấy doanh nghiệp làm trung tâm để đổi mới và ứng dụng khoa học và công nghệ, tập trung các nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đầu tư “tới ngưỡng” để hình thành, phát triển các sản phẩm hàng hoá thương hiệu Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao.*

## Danh mục Chương trình

1. Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020
2. Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020
3. Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020
4. Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm
5. Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020
6. Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020



### Đối tượng tham gia

- Các tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN);
- Các doanh nghiệp có năng lực thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN.



### Điều kiện tham gia

- Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trình độ đại học trở lên;
- Đơn vị chủ trì nhiệm vụ có đủ năng lực để triển khai nhiệm vụ;
- Sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN thể hiện được tính khả thi và tiềm năng thị trường;
- Có đề xuất đặt hàng của cơ quan cấp Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW.



## Nội dung hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước\*

- Tối đa 100% kinh phí đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- Tối đa 50% kinh phí đối với hoạt động hoàn thiện công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia.
- Tối đa 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu; thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình sản xuất thử nghiệm và sản xuất lô số 0 của dây chuyền công nghệ.
- Tối đa 100% kinh phí đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực đối với đơn vị trực tiếp tham gia dự án.
- Hỗ trợ hoạt động thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường, hoạt động xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật.

\* Tuỳ thuộc vào nội dung cụ thể trong từng Chương trình



## Quy trình xét duyệt



### Tiếp nhận đề xuất đặt hàng

qua Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW



### Xác định nhiệm vụ

qua Hội đồng tư vấn và các chuyên gia độc lập



### Tiếp nhận hồ sơ

từ các cá nhân, tổ chức đăng ký thực hiện nhiệm vụ



### Tuyển chọn, giao trực tiếp

được thực hiện thông qua Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và các chuyên gia độc lập



### Thẩm định kinh phí

qua Tổ thẩm định



### Phê duyệt, ký hợp đồng triển khai



# Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020

Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia tập trung vào việc hình thành, phát triển sản phẩm hàng hóa thương hiệu Việt Nam bằng công nghệ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh cao.

Các sản phẩm quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bao gồm 6 nhóm sản phẩm chính thức:



Sản phẩm lúa gạo Việt Nam chất lượng cao, năng suất cao



Sản phẩm thiết bị siêu trường, siêu trọng



Sản phẩm bảo đảm an ninh, an toàn mạng thông tin



Sản phẩm động cơ sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải



Sản phẩm vắc-xin phòng bệnh cho người và vật nuôi của Việt Nam



Sản phẩm phục vụ an ninh và quốc phòng

Và 3 nhóm sản phẩm dự bị:



Sản phẩm cá da trơn Việt Nam chất lượng cao và các sản phẩm chế biến từ cá da trơn



Các sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu



Sản phẩm vi mạch điện tử



# 1

Các nội dung chính:

(i) Nghiên cứu và phát triển sản phẩm quốc gia

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến;
- Tìm kiếm, lựa chọn nhập khẩu công nghệ cao, nghiên cứu giải mã, thử nghiệm công nghệ;
- Hợp tác nghiên cứu, hình thành các nhóm nghiên cứu, tiến tới làm chủ và sáng tạo công nghệ.

(ii) Sản xuất thử nghiệm sản phẩm quốc gia

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ: thiết kế, chế tạo thiết bị và dây chuyền sản xuất thử nghiệm;
- Thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ.

(iii) Thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường.

# Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020

Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 có mục tiêu thúc đẩy nghiên cứu, làm chủ và tạo ra công nghệ cao; ứng dụng hiệu quả công nghệ cao trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội; sản xuất sản phẩm, hình thành doanh nghiệp và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao; xây dựng hạ tầng kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao.

## 03 Chương trình thành phần:

- Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì);
- Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao (Bộ Công thương chủ trì);
- Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì).



# 2

## Các nội dung chính:

(i) Nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra các công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển (bao gồm 58 công nghệ, 114 sản phẩm, theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ) trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới

(ii) Xây dựng và triển khai các dự án ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao được ưu tiên phát triển vào các ngành, lĩnh vực: công nghiệp và dịch vụ, nông nghiệp, y tế, môi trường, an ninh, quốc phòng

(iii) Xây dựng và triển khai các dự án, nhiệm vụ để hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao

(iv) Triển khai các nhiệm vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao, thu hút các chuyên gia có trình độ cao trong và ngoài nước tham gia Chương trình.

## Các nội dung chính:

- (i) Xây dựng và thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia
- Xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia và lộ trình đổi mới công nghệ;
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ mới và đổi mới công nghệ;
- Thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN xuất sắc;
- Xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN;
- Phát triển các tổ chức dịch vụ KH&CN về giám định công nghệ, sở hữu trí tuệ.

(ii) Làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia

- Sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia;
- Khai thác cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp;
- Hợp tác với tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN để giải mã, làm chủ công nghệ nhập khẩu;
- Xây dựng cơ sở thiết kế, mô phỏng tạo mẫu, đo kiểm, gia công chính xác.

(iii) Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ

- Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý nguồn lực và quảng cáo sản phẩm;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, chuyên gia công nghệ;
- Nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ;
- Hình thành cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất sản phẩm mới.

(iv) Tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện đặc biệt khó khăn

- Nâng cao năng lực chuyển giao công nghệ của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN tại các địa phương;
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, chế biến sản phẩm nông nghiệp, các lĩnh vực trong nông nghiệp;
- Xây dựng quy hoạch, hình thành mạng lưới mô hình đổi mới công nghệ đối với từng vùng sinh thái;
- Hỗ trợ đổi mới công nghệ các ngành nghề, làng nghề truyền thống.

# Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 3

Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 tập trung phát triển số lượng và chất lượng của doanh nghiệp, nhân lực quản lý doanh nghiệp trong việc thực hiện đổi mới công nghệ, làm chủ và tạo ra công nghệ tiên tiến.



# Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Chương trình 592)

Chương trình 592 được Thủ tướng phê duyệt với mục tiêu:

- Tạo cơ chế, chính sách để khuyến khích, hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển doanh nghiệp KH&CN, phát triển thị trường KH&CN;
- Tăng cường năng lực tự chủ cho các tổ chức KH&CN công lập nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.



## 4

Các nội dung chính:

- (i) Ươm tạo doanh nghiệp KH&CN
  - Hỗ trợ cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, ưu tiên cơ sở ươm tạo tại các viện nghiên cứu, trường đại học, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung;
  - Hỗ trợ hoạt động ươm tạo doanh nghiệp KH&CN: nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường; sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN;
  - Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp doanh nghiệp KH&CN.
- (ii) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN
  - Lựa chọn và giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp có nhu cầu và đủ điều kiện để ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN phát triển và hoàn thiện công nghệ tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường.
- (iii) Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của tổ chức KH&CN công lập
  - Hỗ trợ trang bị máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
  - Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển ý tưởng sáng tạo để có kết quả công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế;
  - Hỗ trợ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa;
  - Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức KH&CN công lập;
  - Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho cán bộ nghiên cứu và cán bộ kỹ thuật của tổ chức KH&CN công lập.

# Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020



Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020 có mục tiêu nâng cao khả năng phối hợp, tiếp thu, làm chủ các thành tựu KH&CN tiên tiến, sáng tạo ra công nghệ mới, góp phần phát triển tiềm lực KH&CN quốc gia, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ với giá trị gia tăng cao.

## 5

### Các nội dung chính:

(i) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu có tính chất chiến lược, lâu dài về KH&CN

(ii) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu về các vấn đề quan trọng, cấp thiết; các nhiệm vụ phục vụ các chương trình KH&CN quốc gia và trọng điểm quốc gia

(iii) Tham gia các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, các dự án đầu tư KH&CN trên thế giới và trong khu vực, tập trung vào các nội dung KH&CN Việt Nam quan tâm, có nhu cầu cấp thiết

(iv) Phát triển các tổ chức, tập thể nghiên cứu mạnh, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, gắn với hợp tác nghiên cứu quốc tế, định hướng giải quyết các vấn đề về KH&CN, kinh tế - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hoặc của quốc tế gắn với Việt Nam.



# 6

## Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020

Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020 hướng đến mục tiêu tìm kiếm, đánh giá, tư vấn và chuyển giao công nghệ tiên tiến trên thế giới, phục vụ kịp thời nhu cầu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới của các doanh nghiệp trong nước.



### Các nội dung chính:

- (i) Xây dựng mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ: lựa chọn chuyên gia tìm kiếm công nghệ; tổ chức mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ; cử các nhà KH&CN trẻ Việt Nam vào làm việc trong các doanh nghiệp công nghệ của thế giới
- (ii) Tìm kiếm công nghệ: xây dựng danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm, tổ chức tìm kiếm công nghệ
- (iii) Chuyển giao công nghệ: lập dự án chuyển giao công nghệ, hỗ trợ thực hiện dự án chuyển giao công nghệ
- (iv) Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và thông tin dữ liệu.



# Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”

Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” được Thủ tướng phê duyệt với mục tiêu tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

## Đối tượng tham gia<sup>1</sup>

- Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới;
- Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất – kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả.

<sup>1</sup>Có tiêu chí kèm theo



# 7

Các nội dung chính:

- (i) Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia
- (ii) Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại các Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp
- (iii) Tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia với quy mô quốc tế
- (iv) Tiếp tục triển khai Đề án Thương mại hóa công nghệ với quy mô dự án KH&CN cấp quốc gia đến năm 2020
- (v) Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- (vi) Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- (vii) Hỗ trợ xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp
- (viii) Kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm của Việt Nam với khu vực và thế giới
- (ix) Giới thiệu đối tác, nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục nhà đầu tư, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước tiếp cận thị trường nước ngoài
- (x) Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ, thử nghiệm thị trường, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

# Văn bản quản lý

(Các văn bản quản lý có thể được tìm kiếm và tải về trên internet.)

## 1. Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020

Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia thực hiện từ năm 2012 thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Quyết định số 1398/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân công Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia.

Quyết định số 1446/QĐ-BKHCN ngày 06/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân công cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia.

Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 07/7/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc tổ chức lại Ban Chỉ đạo các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia.

Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Thông tư số 10/2013/TT-BKHCN ngày 29/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Thông tư số 12/2013/TT-BKHCN ngày 29/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

Thông tư số 10/2014/TT-BCT ngày 12/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định thực hiện cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia.

Thông tư số 28/2014/TT-BKHCN ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc xét duyệt, thẩm định, phê duyệt nội dung và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia.

Thông tư số 10/2014/TT-BCT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định thực hiện cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia.

## 2. Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020

Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 22/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao được ưu tiên phát triển.

Thông tư số 02/2012/TT-BKHCN ngày 18/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Thông tư số 31/2012/TT-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.

## 3. Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020

Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10/05/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

# Văn bản quản lý

(Các văn bản quản lý có thể được tìm kiếm và tải về trên internet.)

Quyết định số 663/QĐ-BKHCN ngày 29/03/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của nhiệm vụ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới và nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ.

Thông tư số 03/2013/TT-BKHCN ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

Thông tư số 04/2013/TT-BKHCN ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tiêu chí đánh giá đề tài, dự án thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

Thông tư số 09/2013/TT-BKHCN ngày 15/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

Thông tư liên tịch số 79/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

## 4. Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 12/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định 592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tư liên tịch số 49/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 23/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Thông tư số 19/2016/TT-BKHCN ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

## 5. Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020

Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020.

Quyết định số 3368/QĐ-BKHCN ngày 23/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

Thông tư số 08/2015/TT-BKHCN ngày 05/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

## 6. Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020

Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

Quyết định số 3368/QĐ-BKHCN ngày 23/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

Thông tư số 08/2015/TT-BKHCN ngày 05/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

## 7. Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”

Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Hướng dẫn tải về:  
Dùng thiết bị di động scan mã QR sau hoặc đăng nhập vào website: [www.vpctqg.gov.vn](http://www.vpctqg.gov.vn)





---

## Thông tin liên hệ

**VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Địa chỉ: 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.  
Điện thoại: (04) 3.555.1726 | Fax: (04) 3.555.1725  
Email: vpctqg@most.gov.vn | Website: <http://vpctqg.gov.vn>

---